

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ N  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 505/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị D và  
anh T.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Việt Bằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Quỳ
2. Bà Trần Thị Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 27-12-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 408/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-12-2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị D, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 13/75 đường P, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 26/64 đường T, phường X, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Đào Duy T, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi đi thi hành án: Số 13/75 đường P, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; hiện đang chấp hành án tại: Đội 13 phân trại số 02 Trại giam L, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa: Chị D có mặt. Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lường Thị D trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Duy T tự nguyện tổ chức kết hôn năm 2013 nhưng đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, khác biệt về tính cách, anh T thường xuyên vi phạm pháp luật nên đã đi tù nhiều lần, lần gần đây nhất là vào khoảng năm 2021 do phạm tội về ma túy nên anh Trung bị TAND thành phố N xử phạt 36 tháng tù. Hiện nay anh T đang thi hành án tại Đội 13 phân trại số 02 Trại giam L, tỉnh Thanh Hóa, hai bên sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên chị xin ly hôn anh T.

2. Về con chung: Chị Lường Thị D xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đào Duy D sinh ngày 08-8-2013 và Đào Duy Thiện P sinh ngày 06-5-2017. Do anh T đang ở tù nên chị sẽ nuôi cả hai con, khi nào anh T ra tù thì hai bên sẽ thỏa thuận sau. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Lường Thị D trình bày vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Đào Duy T xác nhận về điều kiện, thời gian kết hôn, con chung theo lời trình bày của chị D là đúng. Về mâu thuẫn của vợ chồng: Vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do vi phạm pháp luật nên anh bị TAND thành phố N xử phạt 36 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nay hiện đang thụ án tại đội 13 phân trại số 02 Trại giam L, tỉnh Thanh Hóa. Nay, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn và không có ý kiến gì khác. Về con chung: Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con thì anh nhất trí. Về tài sản và công nợ chung: Anh và chị D không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt mình.

Tại Biên bản thu thập chứng cứ của Tòa án, chính quyền địa phương nơi chị D và anh T cư trú đã cung cấp: Quá trình chị D và anh T sinh sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn. Năm 2021, anh T vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án tù từ đó đến nay. Chị D và anh T có hai con chung là Đào Duy D và Đào Duy Thiện P. Nay chị D có đơn xin ly hôn, nuôi con với anh T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cháu Đào Duy D có đơn đề nghị được chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử lý hôn giữa chị Lường Thị D và anh Đào Duy T.

Về con chung: Giao cho chị Lường Thị D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đào Duy D sinh ngày 08-8-2013 và Đào Duy Thiện P sinh ngày 06-5-2017. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lường Thị D không yêu cầu anh Đào Duy T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Lường Thị D và anh Đào Duy T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Lường Thị D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đào Duy T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị D và anh Đào Duy T tự do kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Sơn La vào năm 2016 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị D và anh T đều xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, anh T vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án tại Trại giam L, tỉnh Thanh Hóa. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn. Qua đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử lý hôn giữa chị Lường Thị D và anh Đào Duy T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị D có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung là Đào Duy D và Đào Duy Thiện P. Anh T cũng nhất trí giao hai con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn. Vì vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo lợi ích của con chung, căn cứ quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử quyết định: Giao cho chị

Lường Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Đào Duy D sinh ngày 08-8-2013 và Đào Duy Thiện P sinh ngày 06-5-2017. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Chị Lường Thị D và anh Đào Duy T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lường Thị D là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lường Thị D và anh Đào Duy T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lường Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Đào Duy D sinh ngày 08-8-2013 và Đào Duy Thiện P sinh ngày 06-5-2017. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lường Thị D không yêu cầu anh Đào Duy T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lường Thị D và anh Đào Duy T có quyền và nghĩa vụ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lường Thị D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số 0005603 ngày 25-10-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lường Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đào Duy T có quyền kháng cáo trong hạn kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tp. N;
- Chi cục THADS tp. N;
- UBND xã C, huyện S, tỉnh Sơn La;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**Lương Việt Bằng**